

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10

1. Ma trận

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổn g % điểm
			Nhận biết (Số câu)		Thông hiểu (Số câu)		Vận dụng (Số câu)		Vận dụng cao (Số câu)		
			TN K Q	TL	TN K Q	TL	TN K Q	TL	TN KQ	TL	
1	Đọc	Thần thoại.	4	0	3	1	0	1	0	1	60
		Sử thi									
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1	40
		2. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học.									
Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi			20 %	10 %	15 %	25 %	0	20 %	0	10 %	100
Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức			30%		40%		20%		10%		
Tổng % điểm			70%				30%				

2. Bản đặc tả minh họa

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
1	1. Đọc hiểu	1. Thần thoại.	Nhận biết: - Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại. - Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại. - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại. - Nhận biết được bối cảnh lịch sử	4 câu TN	3 câu TN 01 câu TL	1 câu Tl	1 câu TL

		- văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Hiểu và phân tích được nhân vật trong truyện thần thoại; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện thần thoại. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại. Vận dụng: - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,... trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.				
	2. Sử thi.	Nhận biết: - Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong sử thi. - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.				

			- Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi. - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong sử thi. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Hiểu và phân tích được nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi. Vận dụng: - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.				
3	Viết	1. Viết văn bản nghị	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội	1*	1*	1*	1 câu

		luận về một vấn đề xã hội. dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.				TL
	2. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học.	Nhận biết: - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,... của tác phẩm. - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.				

		- Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm. - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm). Vận dụng cao: - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.				
--	--	---	--	--	--	--

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA KÌ 1

Môn : Ngữ văn 10

Thời gian : 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Nữ thần A-thê-na

Trong số các vị thần của thế giới Ô-lim-pi-a thì sự ra đời của nữ thần A-thê-na kì lạ hơn cả. Đối với các vị thần tất nhiên sự sinh ra đã khác thường rồi, nhưng A-thê-na thần kì hơn. Nàng không phải do mẹ sinh ra mà do bố sinh ra, và sinh ra ... từ đầu!

Dốt mắc chứng đau đầu rất dữ, đau từng cơn ong ong, lục ục trong đầu. Trong một cơn đau muốn nổ tung óc, Dốt gọi thần Hê-phai-xtốt lại và ra lệnh : “Lấy búa bổ đầu ta ngay, làm ngay đi...”. Hê-phai-xtốt do dự trước cái lệnh kì quái đó, nhưng Dốt trừng mắt quát: “Bổ đi! Làm ngay đi!...” – Thế là Hê-phai-xtốt nghe lời Dốt. Chàng nâng cây búa nặng ngàn cân lên, dùng sức giáng vào đầu Dốt. Chát một cái! Hê-phai-xtốt rùng mình. Sợ của Dốt nứt toác ra, và từ kẽ nứt nhảy ra một người thiếu nữ mặc nhung y, võ phục gọn gàng, tay kiếm cung, mắt sáng long lanh, tiếng to như sấm. Vừa nhảy khỏi đầu Dốt, nàng liền hét một tiếng vang động cả trời đất như khi xung trận. Đó là A-thê-na, vị thần của trí tuệ, tri thức và chiến trận. A-thê-na đội mũ trụ đồng sáng loáng, mặc áo choàng dài, thường khi tay khoác khiên, đứng uy nghi oai phong lẫm liệt như một nam thần. Vì là nữ thần của trí tuệ, tri thức nên A-thê-na đã sáng tạo ra biết bao nhiêu điều để dạy cho người dân Hi Lạp. Nàng đã ban cho người trần thế cái cày cái bừa để họ có thể làm ruộng, trồng lúa, trồng nho. Nàng trao cho người phụ nữ cái xa quay sợi và khung cửi dệt. Nàng dạy cho họ nghề dệt khéo léo và công phu để họ có thể dệt nên tấm vải dày, mỏng tùy theo ý thích với màu sắc rực rỡ như lòng họ mong muốn. Vì thế người xưa gọi nàng là “A-thê-na Ergana” nghĩa là “thợ giỏi”. Nàng còn đặt ra các thiết chế, luật pháp cho các đô thị, để con người biết cách cai quản, điều hành cuộc sống của mình được trật tự và công bằng. Vì là nữ thần trí tuệ, tri thức nên nàng được Dốt sinh ra từ ... đầu, hay cũng vì sinh từ đầu Dốt mà nàng phải là vị nữ thần của trí tuệ, tri thức? Do đó một chức năng nữa mà A-thê-na phải đảm nhận là : đảm bảo cho khoa học và kĩ thuật ở các đô thị phát triển rực rỡ, phục vụ hữu hiệu cho con người.

A-thê-na thường có một biệt danh quen thuộc là Palax. Người xưa giải thích, sở dĩ nàng có biệt danh này là do nàng đã đánh bại được tên khổng lồ Palax trong một trận giao tranh ác liệt. Để ghi nhớ chiến công hiển hách của mình, A-thê-na lột da địch thủ căng lên tấm khiên. [...] A-thê-na tham dự khá nhiều chuyện của thế giới thiên đình và thế giới loài người. Đối với người Hi Lạp cổ xưa, A-thê-na mang lại cho họ cuộc sống văn minh hơn. Nàng là nữ thần của tri thức. Nàng là ánh sáng của Khoa học, kĩ thuật, văn hóa, nghệ thuật soi rọi xuống cuộc sống tối tăm của con người. Nàng còn là nữ thần của chiến trận, chiến thắng. A-thê-na một trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của Hi Lạp ngày xưa và thủ đô của Hi Lạp ngày nay, là đô thị mang tên nữ thần A-thê-na, và được nữ thần A-thê-na bảo hộ. Con vật gắn bó với nữ thần A-thê-na là con cú mèo. Vì thế, nữ thần thường có những định ngữ

kèm theo: A-thê-na có đôi mắt cú mèo, A-thê-na có đôi mắt màu xanh lục... Ngày nay trong văn học các nước Phương Tây, cái tên A-thê-na hoặc Mi-nen-vơ có một nghĩa bóng là: “người đàn bà thông minh”, “người phụ nữ trí tuệ”, “thông tuệ”. Từ đó con cú của nữ thần A-thê-na cũng tượng trưng cho sự hiểu biết, thông minh, trí thức.

(Trích Thần thoại Hy Lạp,

Nguyễn Văn Khoa, NXB Văn học, 2014, tr.97-98)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. A-thê-na là nữ thần đại diện cho những điều gì?

- A. Văn minh của nhân loại
- B. Hôn nhân, gia đình và những đứa trẻ
- C. Tình yêu và tự do
- D. Trí tuệ, tri thức và chiến trận

Câu 2. A-thê-na khi sinh ra được miêu tả như thế nào?

- A. Đẹp lộng lẫy, uy nghiêm, cánh tay trắng muốt.
- B. Đẹp ngồi ngời như một đóa hoa mới nở, khuôn mặt diễm lệ.
- C. Uy nghi oai phong lẫm liệt như một nam thần.
- D. Xinh đẹp, kiêu diễm với những ngón tay hồng hồng.

Câu 3. A-thê-na dạy cho những người phụ nữ nghề gì?

- A. Làm ruộng, trồng lúa.
- B. Nghề dệt.
- C. Trồng nho.
- D. Nuôi gia súc.

Câu 4. A-thê-na phải đảm nhiệm những chức năng gì?

- A. Đảm nhiệm chức năng giữ lửa cho mỗi gia đình
- B. Đảm bảo sự no ấm và dư giả
- C. Đảm bảo cho hòa bình và ngăn chặn thiên tai
- D. Đảm bảo cho khoa học và kỹ thuật ở các đô thị phát triển rực rỡ, phục vụ hữu hiệu cho con người.

Câu 5. Trong văn học phương Tây, cái tên A-thê-na hoặc Mi-nen-vơ có nghĩa là gì?

- A. Người đàn bà thông minh.
- B. Người phụ nữ xinh đẹp.
- C. Nữ thần chiến tranh.
- D. Nữ thần tình yêu.

Câu 6. Hình tượng con cú mèo gắn bó với nữ thần A-thê-na có ý nghĩa gì?

- A. Sức mạnh và sự dẻo dai.
- B. Sự đa nghi và thủ đoạn hiểm độc.
- C. Sự hiểu biết, thông minh, trí thức.
- D. Tâm nhìn xa dự đoán trước được tương lai.

Câu 7. Sự ra đời của nữ thần A-thê-na trong câu chuyện có ý nghĩa gì?

- A. Ca ngợi sức mạnh của nhà nước A-then cổ đại.
- B. Ca ngợi, tự hào về trí tuệ và tài năng của con người.
- C. Phản ánh những xung đột xã hội căng thẳng.
- D. Phản ánh công cuộc khám phá đại dương của người Hy Lạp cổ.

Trả lời các câu hỏi:

Câu 8. Theo bạn, có thể lược bỏ chi tiết nữ thần A-thê-na sinh ra từ đầu của thần Dớt trong văn bản hay không? Vì sao?

Câu 9. Lí giải tại sao khi đánh bại tên khổng lồ Palax, A-thê-na lại lấy biệt danh là tên của kẻ thù.

Câu 10. Anh/Chị hiểu thế nào về những công lao của nữ thần A-thê-na đối với đời sống người A-then cổ đại (Trả lời bằng 4-5 câu)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết một bài luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của văn bản *Nữ thần A-thê-na*.

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	D	0.5
	2	C	0.5
	3	B	0.5
	4	D	0.5
	5	A	0.5
	6	C	0.5
	7	B	0.5
	8	- Không thể lược bỏ chi tiết nữ thần A-thê-na sinh ra từ đầu của thần Dớt - Vì A-thê-na là nữ thần của trí tuệ mà phần đầu của Dớt đại diện cho sự thông minh, hiểu biết => A-thê-na sinh ra từ sự thông tuệ của Dớt	1.0
	9	- Khi đánh bại tên khổng lồ Palax, A-thê-na lại lấy biệt danh là tên của kẻ thù: + khẳng định tài năng, trí tuệ của A-thê-na + Ghi nhớ chiến công hiển hách	1.0
	10	- Ngợi ca trí tuệ, sự thông minh và bàn tay khéo léo của con người -Lí giải cho sự ra đời của luật pháp và các nguyên tắc cư xử của xã hội...	0.5
II		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0.5
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> <i>Ý nghĩa, giá trị của văn bản Giết con sư tử ở Nê-mê.</i>	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau:	2.0
		- Giới thiệu ngắn gọn về xuất xứ, nhân vật chính và nội dung bao quát của tác phẩm <i>Nữ thần A-thê-na</i> . - Đặc điểm về nội dung và nghệ thuật:	

	+ Về nội dung, câu chuyện kể về sự ra đời của nữ thần đại diện cho sự thông minh, tri thức; thông qua đó, ngợi ca trí tuệ và hiểu biết của con người. + Về nghệ thuật, văn bản chứa đựng những đặc trưng của nghệ thuật cổ đại Hy Lạp: sự phong phú của trí tưởng tượng; tính hấp dẫn, li kì của thử thách để làm bật những phẩm chất của nhân vật chính... - Nêu được bài học rút ra từ câu chuyện (có thể là bài học dựa vào chính bản thân mình/thể hiện sự đồng tình/không đồng tình với thông điệp của câu chuyện trong tác phẩm....	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5
Tổng điểm		10.0

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>